

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PT
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản số: 231/2017/ DS-ST
Ngày: 29-9-2017
V/v: Tranh chấp thừa kế tài sản.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P T, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Dương Văn Lũy
- Bà Trần Ngọc Anh

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Thành Thuận - Thư ký Tòa án nhân dân huyện PT.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện PT tham gia phiên tòa:* Ông Lê Hữu Đức - Kiểm Sát Viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PT xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 214/2014 /TLST-DS ngày 07-11-2014 về : “*Tranh chấp thừa kế tài sản*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2017/QĐXXST-DS, ngày 05-5-2017 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Đỗ Văn C**, sinh năm 1936. Cư trú ấp PCB, xã PT, huyện PT, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* Ông **Đỗ Văn T1**, sinh năm 1935. Cư trú ấp PCA, xã PT, huyện PT, tỉnh An Giang.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- **Nguyễn Thị Í**, sinh năm 1917. Cư trú ấp PCB, xã PT, huyện PT, tỉnh An Giang đã chết, kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà, có các con gồm: **Đỗ Thị V**, sinh năm 1945. Cư trú ấp PCA, xã PT, huyện PT, tỉnh An Giang; **Đỗ Thị N**, sinh năm 1949. Cư trú ấp PLA, xã PTB, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp; **Đỗ Thành L**, sinh năm 1951. Cư trú số 16, đường Hai Bà Trưng, ấp T, thị trấn CM, huyện CM, tỉnh An Giang; **Đỗ Thị M**, sinh năm 1954. Cư trú số 25, đường Lê Văn Nhung, phường MB, thành phố LX, tỉnh An Giang; **Đỗ Văn C**, sinh năm 1936. Cư trú ấp PCB, xã PT, huyện PT, tỉnh An Giang; **Đỗ Văn T1**, sinh năm 1935. Cư trú ấp PCA, xã PT, huyện PT, tỉnh An Giang.

- **Phan Văn B.** Cư trú ấp PCA, xã PT, huyện PT, tỉnh An Giang.
- **Đỗ Thị V,** sinh năm 1945. Cư trú ấp PCA, xã PT, huyện PT, tỉnh An Giang.
- **Đỗ Thị N,** sinh năm 1949. Cư trú ấp PLA, xã PTB, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.
- **Đỗ Thành L,** sinh năm 1951. Cư trú số 16, đường Hai Bà Trưng, ấp T, thị trấn CM, huyện CM, tỉnh An Giang.
- **Đỗ Thị M,** sinh năm 1954. Cư trú số 25, đường Lê Văn Nhung, phường MB, thành phố LX, tỉnh An Giang.
- **Đỗ Văn T2.** Cư trú ấp PCA, xã PT, huyện PT, tỉnh An Giang.
- **Đỗ Hoa L; Nguyễn Hiền N,** sinh năm 1952 và **Ngô Thị T,** sinh năm 1956. Cùng cư trú ấp PĐA, xã PT, huyện PT, tỉnh An Giang.
- Ông C có mặt.
- Các đương sự: Đỗ Văn T1, Đỗ Văn N, L, M, Đỗ Văn T2, B, V, L, Nguyễn Hiền N, Ngô Thị T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện ngày 16-7-2014; đơn yêu cầu ngày 09-12-2015; các bản tự khai ngày 16-12-2014, ngày 18-4-2017, ngày 25-4-2017; biên bản lấy lời khai ngày 31-3-2015; các biên bản hoà giải ngày 20-01-2016, ngày 24-3-2016, ngày 10-01-2017, ngày 04-5-2017 của TAND huyện PT và lời khai tại phiên tòa thì các ông, bà Đỗ Văn C, ông Đỗ Thành L, Đỗ Thị N và Đỗ Thị M trình bày:

- Cha, mẹ chúng tôi là ông Đỗ Văn Tr chết năm 2005 và bà Nguyễn Thị Í chết ngày 19-4-2015 hai cụ chỉ có 01 dòng con gồm: Đỗ Văn T1, Đỗ Thị V, Đỗ Văn C, Đỗ Thị N, Đỗ Thành L và Đỗ Thị M.

- Cha, mẹ có để lại diện tích đất trồng lúa theo sơ đồ hiện trạng khu đất lập ngày 21-5-2015 của văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện PT 847,9m² (ông T1 quản lý) chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tọa lạc xã PT, PT, An Giang. Trước khi chết cha, mẹ không có chúc thư hoặc chúc miệng cho bất cứ người nào. Số đất trên trước đây ông T1 cho ông Bửu thuê nhưng hiện nay ông Bửu đã trả lại và ông T1 đã cho vợ, chồng ông Nguyễn Hiền N và Ngô Thị T thuê.

* Theo các biên bản lấy lời khai ngày 31-3-2015, ngày 26-7-2017; các biên bản hoà giải ngày 20-01-2016, ngày 24-3-2016, ngày 10-01-2017, ngày 04-5-2017 của Tòa án nhân dân huyện PT thì ông Đỗ Văn T trình bày: Về họ, tên cha mẹ, thời gian cha, mẹ chết và các con của cha, mẹ là hoàn toàn đúng như lời khai trên đây của ông C. Cha, mẹ có tạo lập diện tích đất trồng lúa theo sơ đồ hiện trạng khu đất của văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện PT là 847,9m² đất trồng lúa tọa lạc xã PT, huyện PT chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến khoảng năm 1997 cha, mẹ cho tôi không làm giấy tờ, lúc cho đất

này hằm hỏ vì vậy tôi mới cải tạo, san lấp và sản xuất đến ngày hôm nay không nhớ bao nhiêu tiền. Ngoài việc cha, mẹ cho tôi số đất đó thì không có làm chúc thư hoặc chúc miệng cho bất kỳ người nào khác. Số đất trên trước đây tôi cho ông Phan Văn B thuê nhưng hiện nay Phan Văn B đã trả lại và hiện nay tôi đã nhờ người con ruột tên Đỗ Hoa L cho vợ chồng ông Nguyễn Hiền N, bà Ngô Thị T thuê, không làm giấy tờ, thời hạn là 03 vụ mùa lúa, bắt đầu từ vụ lúa hè thu năm 2017 đến thu hoạch vụ lúa đông xuân năm 2018, giá chung là 2.000.000đ tôi đã nhận đủ tiền và đất đã giao cho họ đang canh tác vào việc trồng lúa, nếp.

* Theo biên bản lấy lời khai ngày 16-12-2014; các biên bản hoà giải ngày 20-01-2016, ngày 24-3-2016, ngày 10-01-2017, ngày 04-5-2017 của Tòa án nhân dân huyện PT thì bà Đỗ Thị V trình bày: Về họ, tên cha mẹ, thời gian cha, mẹ chết và các con của cha, mẹ là hoàn toàn đúng như lời khai trên đây của ông C. Cha, mẹ có tạo diện tích đất trồng lúa theo sơ đồ hiện trạng khu đất của văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện PT là 847,9m² tọa lạc xã PT, huyện PT chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến khoảng năm 1997 cha, mẹ cho anh T1 không làm giấy tờ, lúc cho đất này hằm hỏ vì vậy anh T1 có cải tạo. Ngoài việc cha, mẹ cho anh T1 số đất đó không làm chúc thư hoặc chúc miệng cho bất kỳ người nào khác. Số đất trên, trước đây ông T1 cho ông Phan Văn B thuê nhưng hiện nay ông Phan Văn B đã trả lại và cho ông Nguyễn Hiền N, bà Ngô Thị T thuê.

* Theo bản tự khai ngày 20-01-2016 thì anh Đỗ Văn T2 trình bày: Tôi là con của ông Đỗ Văn T1, trước đây khi cho ông Bửu thuê đất thì tôi và cha có ký giấy tờ thuê nhưng hiện nay ông Phan Văn B đã trả lại đất cho cha, vì vậy tôi không còn liên quan.

* Theo bản tự khai ngày 20-01-2016; các biên bản lấy lời khai ngày 16-12-2014, ngày 31-3-2015 thì ông Phan Văn B trình bày: Trước đây ông T1 có cho tôi thuê đất, nhưng hiện nay tôi đã trả lại cho ông T1, vì vậy không còn liên quan.

* Theo các biên bản lấy lời khai ngày 04-8-2017; biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 16-8-2017 thì ông Nguyễn Hiền N và bà Ngô Thị T trình bày: vào khoảng tháng 5-2017, ông T1 kêu người con tên Đỗ Hoa L cho vợ, chồng tôi thuê diện tích 847,9 m² đất trồng lúa, tọa lạc xã PT, huyện PT không làm giấy tờ, thời hạn là 03 vụ mùa lúa, bắt đầu từ vụ lúa hè thu năm 2017 đến thu hoạch vụ lúa đông xuân năm 2018, giá chung là 2.000.000đ tôi đã trả đủ tiền cho ông T1 và đang canh tác đất vào việc trồng nếp.

- Ông C, ông L, bà Đỗ Thị N và bà M yêu cầu: Ông T1 phải chia thừa kế theo luật đời với diện tích 847,9 m² đất trồng lúa cho các anh, em. Đất đó ông T1 không có cải tạo san lấp nhưng chúng tôi tự nguyện mỗi người cho ông T1 2.500.000đ đã có công quản lý, gìn giữ đến nay để ông có điều kiện trị bệnh. Trước đây các bà Đỗ Thị N, ông L, bà M đồng ý quyền cho ông C đại diện tham gia tố tụng, nay chúng tôi thỏa thuận là không ủy quyền nữa và họ sẽ trực tiếp tham gia. Ngoài ra không còn yêu cầu gì khác.

- Ông T1 yêu cầu: Tuy nguồn gốc đất tranh chấp của cha, mẹ nhưng đã cho tôi, vì vậy không đồng ý chia thừa kế cho các anh, em. Đối với số tiền tôi đã đầu tư, cải tạo san lấp đất không nhớ bao nhiêu và cũng không yêu cầu trả lại số tiền đó dù Tòa án có buộc tôi phải chia thừa kế, nên tôi không gửi đơn yêu cầu và nộp tạm ứng án phí theo thông báo của Tòa án về việc này. Tuy Đỗ Hoa L kêu vợ, chồng ông Nguyễn Hiền N và bà Ngô Thị T cho thuê đất nhưng Đỗ Hoa L làm dùm tôi và số tiền 2.000.000đ do tôi nhận, vì vậy tôi sẽ chịu trách nhiệm, chứ Lài không phải chịu trách nhiệm.

- Bà V yêu cầu: Tôi không yêu cầu ông T1 phải chia thừa kế phần hưởng của tôi nên tôi không gửi đơn yêu cầu và nộp tạm ứng án phí theo thông báo của Tòa án về việc này, vì đất đó cha, mẹ đã cho ông T1. Ngoài ra tôi không yêu cầu gì khác.

- Ông Phan Văn B yêu cầu: Trước đây ông Tích cho tôi thuê đất nhưng hiện nay đã trả lại cho ông T1, vì vậy tôi không còn liên quan.

- Ông Đỗ Văn T2 yêu cầu: Khi cha tôi là ông T1 cho ông Phan Văn B thuê đất thì tôi và cha có ký giấy tờ cho thuê nhưng hiện nay ông Phan Văn B đã trả lại đất cho cha, vì vậy tôi không còn liên quan.

- Ông Nguyễn Hiền N và bà Ngô Thị T yêu cầu: Nếu số đất ông T1 cho thuê buộc trả lại cho ông T1 mà chúng tôi chưa làm xong 03 vụ mùa thì còn lại bao vụ mùa chưa làm phía ông T1 phải hoàn trả lại tiền thuê đất, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Vào ngày 16-8-2017 và ngày 24-8-2017, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng như: Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và thông báo đối chất, nhưng chị Đỗ Hoa L đều vắng mặt, vì vậy đã lập các biên bản không tiến hành hòa giải được và không đối chất được (bút lục các số 312, 313, 330, 333).

[2] Trước đây các ông, bà Đỗ Thành L, Đỗ Thị M và Đỗ Thị N ủy quyền cho ông Đỗ Văn C nhưng sau đó các ông, bà L, M, Đỗ Văn N và ông C đã thỏa thuận ký Đơn chấm dứt việc ủy quyền (bút lục 189). Như vậy, ông C không còn là người đại diện theo ủy quyền cho các ông, bà L, M, Đỗ Văn N.

[3] Khi bà Nguyễn Thị Í còn sống tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên, nhưng hiện nay bà đã chết (theo giấy chứng tử số 62 ngày 04-5-2015 thì bà Ích đã chết vào ngày 19-4-2015- bút lục số 185), vì vậy các con sau đây của bà tham gia với tư cách kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng gồm: Đỗ Văn T1, Đỗ Văn C, Đỗ Thành L, Đỗ Thị V, Đỗ Thị M và Đỗ Thị N.

[4] Theo các văn bản sau đây thì tên của bà D là “D”:

- + Biên bản lấy lời khai ngày 16-12-2014 (bút lục số 77)
- + Thư mời ngày 15-4-2015 (bút lục số 82 và 83)
- + Công văn số 42 ngày 24-3-2016 (bút lục số 84)
- + Biên bản hòa giải ngày 24-3-2016 (bút lục số 99)
- + Thông báo số 09 ngày 15-4-2015 (bút lục số 100)
- + Thông báo số 47 ngày 27-4-2015 (bút lục số 101)
- + Thông báo số 42 ngày 22-4-2015 (bút lục số 102)
- + Thông báo số 108 ngày 24-11-2015 (bút lục số 103)
- + Thông báo về phiên hòa giải ngày 31-12-2015 (bút lục số 107)
- + Thông báo bổ sung số 15 ngày 11-12-2015 (bút lục số 108)
- + Thông báo về việc thụ lý vụ án số 214 ngày 10-11-2014(bút lục số 109)
- + Thông báo số 34 ngày 02-10-2015(bút lục số 110)
- + Quyết định ngày 24-11-2014 về việc thay đổi Thẩm phán (bút lục 111b).
- + Quyết định ngày 01-6-2015 về việc thay đổi Thẩm phán(bút lục 111c).
- + Quyết định gia hạn ngày 09-3-2015 (bút lục 111d).
- + Quyết định số 18 ngày 15-4-2015 (bút lục 112).
- + Quyết định số 15, ngày 15-4-2015 (bút lục 113).
- + Quyết định số 110 ngày 08-5-2015 (bút lục 114).
- + Quyết định số 78 ngày 04-4-2016 (bút lục 115).
- + Biên bản định giá tài sản ngày 10-01-2017 (bút lục số 163)
- + Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án dân sự số 23 ngày 03-10-2016 (bút lục số 184).

Sau đó bà khai tên “V” và cung cấp giấy chứng minh nhân dân. Đối chiếu giấy chứng minh nhân dân làm ngày 19-4-2015 (bút lục số 62) thì bà tên “V”. Như vậy bà Tên Đỗ Thị V chứ không phải Đỗ Thị D.

[5] Diện tích đất tranh chấp thừa kế không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cũng không có bất kỳ loại giấy tờ gì theo quy định tại Điều 100 Luật đất đai 2013, vì vậy đương sự có quyền lựa chọn Ủy ban nhân cấp có thẩm quyền hoặc lựa chọn Tòa án có thẩm quyền giải quyết. Theo đơn lựa chọn làm ngày 16-7-2014 (bút lục số 66) thì ông C lựa chọn Tòa án giải quyết. Như vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 203 Luật đất đai 2013 Tòa án nhân dân huyện PT thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[6] Các ông, bà Đỗ Thành L, Đỗ Thị M, Đỗ Thị N, Đỗ Văn T2, Phan Văn B, Nguyễn Hiền N, Ngô Thị T yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[7] Ông Đỗ Văn T1, Đỗ Thị V và Đỗ Hoa L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, vì vậy HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

* Về nội dung:

[8] Nội dung vụ án phát sinh từ quan hệ tranh chấp thừa kế tài sản. Các đương sự đã thống nhất:

- Cha tên Đỗ Văn Tr chết ngày 25-01- 2005 (bút lục 54).

- Mẹ tên Nguyễn Thị Í chết ngày 19-4-2015 (bút lục 185).

- Hai cụ Tr và Í có sáu người con ruột tên: Đỗ Văn C, Đỗ Văn T1, Đỗ Thành L, Đỗ Thị V, Đỗ Thị M và Đỗ Thị N. Ngoài ra không có bất kỳ người con nào khác. Khi còn sống hai cụ có tạo diện tích đất như sơ đồ hiện trạng khu đất lập ngày 21-5-2015 của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện PT 847,9m² đất trồng lúa (bút lục 93) ông Đỗ Văn T1 quản lý. HĐXX xét thấy:

[9] Về thời hiệu: Cụ Tr chết ngày 25-01-2005, cụ Í chết ngày 19-4-2015. Theo khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự thì yêu cầu chia thừa kế di sản đối với bất động sản là 30 năm. Như vậy còn thời hiệu yêu cầu chia thừa kế.

[10] Các anh, em ông T1, C, L, V, M, N điều thống nhất nguồn gốc đất tranh chấp thừa kế là của 02 cụ Tr và Í tạo lập. Phía các ông, bà C, L, M, N khai trước khi chết cha, mẹ không có chúc thư hoặc chúc miệng cho bất cứ người nào số đất trên, phía ông T1 và bà V khai trước khi chết tức vào năm 1997 cha mẹ đã cho ông T1 số đất trên (bút lục 98) nhưng ông, bà không cung cấp được chứng cứ để chứng minh là đã cho riêng ông T1, vì vậy HĐXX không có cơ sở xem xét. Như vậy tranh chấp trên đây sẽ phân chia thừa kế theo luật theo Điều 649 và điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự cho những người thừa kế hàng thứ nhất của hai cụ gồm các ông, bà T1, C, L, V, M, N. Tuy nhiên đối với bà Đỗ Thị V, Tòa án đã có thông báo (bút lục 103) nếu bà có yêu cầu thì phải có đơn và nộp tạm ứng án phí theo quy định pháp luật nhưng bà không thực hiện, vì vậy chỉ phân chia cho 05 người còn lại.

[11] Về cách phân chia di sản: Theo sơ đồ hiện trạng khu đất lập ngày 21-5-2015 của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện PT thì diện tích là 847,9m²(chiều ngang thứ nhất = 9,50m; chiều ngang thứ 2 = 9,70m; chiều dài thứ nhất = 88,70m; chiều dài thứ hai = 88,70m) (bút lục số 93). Theo giấy xác nhận ngày 21-3-2017 của Ủy ban nhân dân xã PT, huyện PT, An Giang (bút lục số 169) thì thuộc loại đất trồng lúa, nếp, ở tờ bản đồ số 03, số thửa 121, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tọa lạc xã PT, huyện PT. Các ông, bà C, L, N, M yêu cầu được chia bằng hiện vật và phần hưởng của họ liền kề nhau. HĐXX xét thấy việc phân chia di sản thừa kế phải đảm bảo công dụng sau

khi phân chia. Chiều ngang của diện tích đất chỉ trên dưới 9m nếu chia bằng hiện vật thì mỗi phần chỉ được trên dưới 1,9m tương đương 169,58m², nếu ngăn đắp bờ mầu giữa các phần với nhau thì diện tích còn lại để phục vụ sản xuất sẽ ít đi, đặc biệt là phần hưởng của ông T1 chiều ngang chỉ có trên dưới 1,9m sẽ ảnh hưởng đến việc sản xuất không có hiệu quả và theo điểm b khoản 1 Điều 5 Quy định ngày 28-12-2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về định mức sử dụng đất trên địa bàn tỉnh An Giang thì diện tích đất nông nghiệp tối thiểu được tách thửa phải 500m² và tại khoản 3 Điều 8 Quy định trên đây thì việc tách thửa để phân chia thừa kế, giải quyết tranh chấp đất đai, thi hành án dân sự phải tuân thủ theo quy định này. Từ những tình tiết trên đây cho thấy không thể phân chia bằng hiện vật mà chia cho ông T1 được hưởng toàn bộ bằng hiện vật diện tích 847,9m² đất trồng lúa, tọa lạc xã PT, huyện PT, An Giang ở tờ bản đồ số 03, số thửa 121, ở các điểm 1, 2, 3, 4 theo sơ đồ hiện trạng khu đất lập ngày 21-5-2015 của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện PT và ông T1 phải đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để tiến hành thủ tục kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận cho mình. Ông T1 phải chia lại giá trị bằng tiền theo kỹ phân được hưởng của các ông, bà C, L, N, M mỗi phần là 10.174.000đ (Theo biên bản định giá ngày 16-8-2017 thì đất thuộc vị trí 1, giá 60.000đ/m² x 847,9m² = 50.874.000đ chia 5 phần = 10.174.000đ (bút lục các số 159, 260).

[12] Diện tích đất phân chia trên đây, theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 16-8-2017 (bút lục các số 257 và 258) thì ông T1 đã cho ông N, bà T thuê, do đó buộc ông N, bà T phải trả lại cho ông T1 khi án có hiệu lực, vì đất đang tranh chấp chưa được giải quyết mà đem giao dịch với người khác. Đáng lẽ buộc ông T1 phải hoàn trả lại số tiền thuê đất nhưng ông N và bà T không yêu cầu mà tự thỏa thuận với nhau (bút lục số 24) và không có đơn, không nộp tạm ứng án phí theo thông báo của Tòa án (bút lục số 281), vì vậy HĐXX không đề cập trong vụ án này mà sau đó nếu đến thời điểm thi hành giao trả đất mà ông Nguyễn Hiền N, bà Ngô Thị T chưa canh tác đầy đủ 3 mùa vụ thì ông, bà có quyền khởi kiện yêu cầu hoàn trả lại số tiền của mùa vụ chưa được canh tác. Ông Nguyễn Hiền N, bà Ngô Thị T khai nếu đất này chia thừa kế thì ông T1 phải trả lại tiền thuê (bút lục 237), vì vậy chị Đỗ Hoa L không phải chịu trách nhiệm.

[13] Theo các biên bản hòa giải của Tòa án nhân dân huyện PT và biên bản lấy lời khai (các số bút lục 78, 98, 99, 141, 142 214 và 215) thì ông T1 khai trong quá trình sử dụng đất ông đã xuất chi phí cải tạo, sang lấp những nơi lung, bàu không nhớ bao nhiêu tiền nhưng ông không yêu cầu. HĐXX xét thấy theo thông báo số 108 ngày 24-11-2015 và thông báo số 09 ngày 15-4-2015 của Tòa án nhân dân huyện PT (bút lục số 100 và 103), ông T1 có yêu cầu trả lại số tiền trang trải cải tạo thì ông phải gửi đơn yêu cầu và nộp tạm ứng án phí theo quy định pháp luật nhưng ông không thực hiện và theo các biên bản trên đây thì ông không yêu cầu, đáng lẽ sẽ không xem xét nhưng theo các biên bản hòa giải của Tòa án và bản tự khai (các số bút lục 187 và 214) thì các ông, bà C, L, N, M mỗi người tự nguyện cho ông T1 2.500.000đ đã có công sức gìn giữ đất, vì vậy HĐXX công nhận sự tự nguyện của các đương sự trên đây.

[14] Theo biên bản hòa giải của Tòa án, các bản tự khai của ông Phan Văn B, ông T2 và giấy cho thuê đất (các số bút lục 80, 81, 85 và 98) thì các ông T1, ông Phan Văn B và ông T2 điều thống nhất khai trước đây ông T1 cho ông Phan Văn B thuê đất có giấy tờ cho thuê do ông Phan Văn B, ông T2 là con của ông Tích cùng ký tên, nhưng hiện nay ông Phan Văn B đã trả lại đất cho ông T1. Như vậy Phan Văn B và anh T2 không còn liên quan.

[15] Về chi phí tố tụng:

+ Chi phí ký hợp đồng đo đạc đất, ông C đã nộp cho Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện PT 690.350đ (bút lục số 92).

+ Chi phí tạm ứng phục vụ đoàn định giá và xem xét thẩm định tại chỗ ba lần, ông C đã xuất 4.000.000đ (bút lục các số 90, 235, 236).

Tổng số tiền trên đây = 4.690.350đ (690.350đ + 4.000.000đ). Theo khoản 2 Điều 157 và khoản 2 Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự thì các ông bà T1, C, L, M, N phải cùng chịu mỗi phần bằng nhau, như vậy mỗi người phải hoàn trả lại cho ông C là 938.000đ. (4.690.000đ : 5 phần)

[16] Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Theo khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQ ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội vụ án được thụ lý trước ngày 01-01-2017 thì số tiền án phí được giải quyết theo quy định của Pháp lệnh án phí, lệ phí năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Như vậy theo khoản 7 Điều 27 pháp lệnh trên đây thì các ông, bà C, L, T1, M, N phải chịu đối với phần mình được hưởng mỗi người là 509.000đ (10.174.000đ x 5%). Riêng đối với số tiền mà các ông, bà C, L, M, N mỗi người tự nguyện cho ông T1 2.500.000đ, vì vậy không phải chịu án phí.

[17] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT về việc Thẩm phán, HĐXX, Thư ký và các đương sự chấp hành thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015. Riêng đối với các ông, bà :T1, V, Đỗ Hoa L đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, cho thấy thái độ chấp hành pháp luật chưa nghiêm. Về nội dung, yêu cầu chia thừa kế di sản của các ông, bà T1, L, N và M là có căn cứ pháp luật đề nghị HĐXX xem xét.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 623; Điều 649 và điểm a, khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự;
- Điểm b, khoản 2 Điều 203 Luật đất đai năm 2013;
- Điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 157 và khoản 2 Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Khoản 7, Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH 12 ngày 27-02-2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

- Buộc ông Nguyễn Hiền N và bà Ngô Thị T cùng chịu trách nhiệm liên đới trả lại cho ông Đỗ Văn T1 diện tích 847,9m² đất trồng lúa, tọa lạc xã PT, huyện PT, tỉnh An Giang ở tờ bản đồ số 03, số thửa 121, ở các điểm 1, 2, 3, 4 theo sơ đồ hiện trạng khu đất lập ngày 21-5-2015 của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện PT.

- Công nhận di sản thừa kế của hai cụ Đỗ Văn Tr và Nguyễn Thị Í để lại ông Đỗ Văn T1 đang quản lý, diện tích 847,9m² đất trồng lúa, tọa lạc xã PT, huyện PT, tỉnh An Giang ở tờ bản đồ số 03, số thửa 121, ở các điểm 1, 2, 3, 4 theo sơ đồ hiện trạng khu đất lập ngày 21-5-2015 của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện PT. Chia cho ông Đỗ Văn T1 được hưởng toàn bộ diện tích đất trên đây và ông phải đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Ông Đỗ Văn T1 phải chia lại kỹ phần hưởng giá trị bằng tiền cho các thừa kế sau đây:

+ Ông Đỗ Thành L, bà Đỗ Thị M, bà Đỗ Thị N và ông Đỗ Văn C mỗi người 10.174.000đ.

- Công nhận sự tự nguyện của các ông, bà Đỗ Thành L, Đỗ Thị M, Đỗ Thị N và Đỗ Văn C mỗi người cho ông Đỗ Văn T1 2.500.000đ về việc ông T1 đã có công sức bảo quản, gìn giữ di sản thừa kế.

- Các ông, bà Đỗ Văn T1, Đỗ Thành L, Đỗ Thị N và Đỗ Thị M mỗi người phải hoàn trả lại cho ông Đỗ Văn C số tiền do đặc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá là 938.000đ.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Đỗ Văn C phải chịu 509.000đ được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 970.000đ, còn thừa lại 461.000đ hoàn trả lại cho ông theo biên lai thu số 07531 ngày 26-9-2014 của Chi cục Thi hành án huyện PT.

+ Ông Đỗ Thành L phải chịu 509.000đ được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 213.000đ theo biên lai thu số 0001228 ngày 09-12-2015 của Chi cục Thi hành án huyện PT. Số còn lại ông phải tiếp tục nộp 296.000đ.

+ Bà Đỗ Thị N phải chịu 509.000đ được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 213.000đ theo biên lai thu số 0001229 ngày 09-12-2015 của Chi cục Thi hành án huyện PT. Số còn lại bà phải tiếp tục nộp 296.000đ.

+ Bà Đỗ Thị M phải chịu 509.000đ được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 213.000đ theo biên lai thu số 0001227 ngày 09-12-2015 của Chi cục Thi hành án huyện PT. Số còn lại bà phải tiếp tục nộp 296.000đ.

- Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày những người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền trên đây, hàng tháng những người phải thi án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng các ông, bà L, M, N, V, T1, Phan Văn B, ông T2, ông Nguyễn Hiền N, bà Ngô Thị T, bà Đỗ Hoa L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện PT;
- VKSND huyện PT;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thành Dũng